

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HS-ST

Ngày 13 – 03 -2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tâm

2. Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy và ông **Mai Văn H** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Trần Ngọc L**; Sinh ngày: 02/08/1993, tại **phường N, tỉnh Ninh Bình**; Số căn cước công dân: 037093013121; Nơi cư trú: **Số nhà A ngõ A Đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: **Trần Văn H1** và bà: **Nguyễn Thị B**; Tiền án: Ngày 16/8/2019 bị TAND thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 năm tù về tội Cố ý gây thương tích chấp hành xong án phạt tù ngày 14/01/2023; Tiền sự: Ngày 26/12/2024, **Công an huyện Y**, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, phạt tiền: 7.250.000 đồng. Chưa chấp hành việc nộp tiền phạt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến ngày 18/07/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 18/07/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa;

2. **Lã Thế H2**; Sinh ngày: 10/10/1996, tại **xã Y, tỉnh Ninh Bình**; Số căn cước công dân: 037096007907; Nơi cư trú: **Số nhà C đường P, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông: **Phan Văn Đ** và bà: **Lã Thị S**; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến

ngày 18/07/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 18/07/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa; Nhân thân: Ngày 29/11/2017, Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền 4.750.000 đồng, bị cáo chưa nộp phạt nhưng đã hết thời hiệu thi hành.

3. **Lã Thị H3**; Sinh ngày: 02/11/1996, tại phường N, tỉnh Ninh Bình; Số căn cước công dân: 037196002178; Nơi cư trú: Số nhà H ngõ C đường P, Phường N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: **Lã Ngọc B1** và bà: **Vũ Thị H4**; Có chồng là **Lê Văn T** và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 23/05/2024 bị Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 12 tháng, chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính ngày 27/4/2025; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến ngày 18/07/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 18/07/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa;

4. **Bùi Minh C**; Sinh ngày: 18/07/1999, tại phường Y, tỉnh Ninh Bình; Số căn cước công dân: 037099001006; Nơi cư trú: Thôn Q, phường Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: **Bùi Văn T1** và bà **Bùi Thị T2**; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/07/2025 đến ngày 19/07/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 19/07/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa; Nhân Thân: Ngày 13/12/2022, Công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền: 1.500.000 đồng. Bị cáo chưa nộp phạt nhưng đã hết thời hiệu thi hành. Ngày 01/6/2023, Công an xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, phạt tiền: 400.000 đồng. Bị cáo chưa nộp phạt nhưng đã hết thời hiệu thi hành.

5. **Lê Đăng D**; Sinh ngày: 05/12/1998, tại xã B, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038098004273; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: **Lê Đăng C1** và bà: **Lê Thị H5**; Tiền án: Ngày 22/02/2021 bị TAND huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 26 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng, chấp hành xong án phạt tù ngày 21/9/2023. Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2025 đến ngày 27/10/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 27/10/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa;

6. **Nguyễn Thành T3**; Sinh ngày: 20/02/2003, tại phường Y, tỉnh Ninh Bình; Số căn cước công dân: 037203000557; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn

giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: **Nguyễn Văn T4** và bà: **Bùi Thị H6**; Tiền án: Ngày 03/3/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong án phạt tù ngày 11/7/2024; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến ngày 18/07/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 18/07/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa. Nhân thân: Ngày 22/02/2021 bị TAND huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng (phạm tội ngày 08/9/2020, chưa đủ 18 tuổi). Chấp hành xong án phạt tù ngày 09/11/2021. Ngày 21/7/2022, **Công an tỉnh T** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, phạt tiền 4.000.000 đồng, đã thi hành xong ngày 07/9/2022. Ngày 10/8/2022, **Công an Thành phố N** ra Quyết định XPVPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền 2.000.000 đồng, đã thi hành xong ngày 12/8/2022.

7. **Bùi Đức T5**, Sinh ngày: 25/11/2005, tại **xã K, tỉnh Thanh Hóa**; Số căn cước công dân: 038205013209; Nơi cư trú: **Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông: **Bùi Đức T6** và bà: **Trương Thị H7**; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

8. **Nguyễn Thị V**, Sinh ngày: 18/01/1999, tại **xã T, tỉnh Thanh Hóa**; Số căn cước công dân: 038199000368; Nơi cư trú: **Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: **Nguyễn Đình T7** và bà: **Lê Thị T8**; Có chồng là **Bùi Anh T9** và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến ngày 18/07/2025, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2025 cho đến nay, Có mặt tại phiên tòa.

9. **Nguyễn Văn H8**, Sinh ngày: 04/06/2001, tại **xã B, tỉnh Thanh Hóa**; Số căn cước công dân: 038201007833; Nơi cư trú: **Thôn I, xã B, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: **Nguyễn Văn V1** và bà: **Trịnh Thị L1**; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến ngày 18/07/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 18/07/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

10. **Trịnh Việt A**, Sinh ngày: 02/10/2001, tại **xã V, tỉnh Thanh Hóa**; Số căn cước công dân: 038201005965; Nơi cư trú: **Thôn G, xã V, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: **Trịnh Văn T10** và bà: **Trịnh Thị**

N; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến ngày 18/07/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 18/07/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Anh **Lương Văn M** - Sinh năm 2000; Địa chỉ: **Thôn E, xã B, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

+ Anh **Bùi Đình T11** - Sinh năm 2008; Địa chỉ: **Thôn D, xã K, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt

+ Chị **Nguyễn Thu H9** - Sinh năm 2003; Địa chỉ: **Thôn H, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 07 giờ 10 phút ngày 10/7/2025, **Công an xã Y**, tỉnh Thanh Hóa nhận thông tin phản ánh của ông **Bùi Trọng C2** (sinh năm 1982, trú tại **Khu D, xã Y, tỉnh Thanh Hóa**) là chủ nhà nghỉ Công Tú ở cùng địa chỉ cư trú về việc có một nhóm thanh niên (02 nam, 02 nữ) thuê phòng nghỉ có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi tiếp nhận thông tin, **Công an xã Y** đã báo cáo, phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh T** tiến hành kiểm tra, xác minh.

Cùng ngày, vào khoảng 09 giờ 10 phút, sau khi nhận được thông tin phản ánh của quần chúng nhân dân, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh T** chủ trì, phối hợp với Công xã Biện Thượng tiến hành kiểm tra phòng số 03 nhà trọ của gia đình ông **Nguyễn Mạnh Đ1** thuộc **thôn D, xã B, tỉnh Thanh Hóa** do **Lê Đăng D** (sinh năm 1998, trú tại **xóm Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa**) thuê trọ, nghi vấn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại thời điểm kiểm tra phát hiện trong phòng có 02 nam thanh niên tên là **Nguyễn Thành T3** (sinh năm 2003, trú tại **thôn H, phường Y, tỉnh Ninh Bình**) và **Lương Văn M** (sinh năm 2000, trú tại **thôn E, xã B, tỉnh Thanh Hóa**) có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ, niêm phong vật chứng và đưa các đối tượng về trụ sở để làm việc.

Quá trình kiểm tra, xác minh và mở rộng điều tra đã làm rõ, xác định được các hành vi phạm tội của những đối tượng có liên quan như sau:

* *Hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa **Lã Thế H2**, **Lã Thị H3**, **Bùi Minh C** với **Nguyễn Thành T3**, **Lê Đăng D**.*

Vào khoảng 15 giờ ngày 08/7/2025, tại phòng trọ **số C** nơi **Lê Đăng D** thuê trọ thuộc **xóm Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa**, **D** nói với **Nguyễn Thành T3** về việc mua giúp cho **D** “01 uồn ke” (cách nói 01 khối lượng ma túy loại Ketamine) và “15 con kẹo” (15 viên ma túy dạng kẹo, loại MDMA) nhằm mục đích bán lại lấy tiền lời, **T3**

đồng ý. T3 dùng điện thoại di động của mình đăng nhập tài khoản Facebook “Nguyễn Thành T3” gọi cho Bùi Minh C thông qua tài khoản Facebook là “M” để hỏi mua số ma túy như đã trao đổi với D. Bản thân C không có ma túy để bán, tuy nhiên trước đó C đã thống nhất với bạn là Lã Thế H2 về việc nếu có người hỏi mua ma túy thì C sẽ giới thiệu để giúp H2 bán ma túy. Sau khi nghe điện thoại hỏi mua ma túy của T3, C gọi điện thoại cho H2 thì H2 đồng ý bán ma túy và báo giá “01 uồn ke” là 15.000.000 đồng, 01 viên ma túy dạng kẹo giá 250.000 đồng. Tiếp đó, H2 gọi cho bạn gái là Lã Thị H3 để nói về việc mua ma túy bán lại lấy tiền lời chi tiêu chung, H3 đồng ý và trực tiếp đặt mua ma túy để bán lại cho T3. Đối với Bùi Minh C, sau khi đã trao đổi lại với H2, biết chắc có ma túy và giá bán thì C gọi điện báo cho T3 biết, thống nhất giá cả, đồng thời gửi vị trí qua tài khoản Zalo, hướng dẫn T3 đến địa điểm nhận ma túy và trả tiền. T3 thuê taxi đi từ xã B, tỉnh Thanh Hóa đến phường N, tỉnh Ninh Bình để gặp C. Trên đường đi, T3 thông báo số tiền mua ma túy hết 18.750.000đ thì D đã nhờ bạn gái là Nguyễn Thị H10 (sinh năm 2003, ở thôn H, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa) chuyển số tiền này vào tài khoản ngân hàng của T3.

Đến khoảng hơn 16 giờ cùng ngày, khi H2 đang ở số nhà C đường P, phường N, tỉnh Ninh Bình (H2 thuê nhà mở quán làm dịch vụ xăm hình) thì C dẫn T3 đến gặp H2. Tại đây, H2 đưa mã QR tài khoản ngân hàng của H2 bảo T3 chuyển khoản số tiền mua ma túy là 18.750.000 đồng và ngồi chờ để nhận ma túy. Trong thời gian T3, C và H2 ngồi tại quán xăm hình thì H3 đã liên hệ mua ma túy để bán lại T3. Khi người bán đến giao ma túy thì H3 nói H2 ra lấy. H2 đem ma túy mua được vào phòng ngủ kiểm tra thì chỉ có “01 uồn ke” và 10 viên ma túy dạng kẹo, H2 gọi điện thông báo cho H3 biết. Do vậy, H3 nói H2 chuyển lại cho T3 1.250.000 đồng (tương ứng giá của 05 viên ma túy dạng kẹo). Sau đó, H2 tự lấy bớt một phần ma túy loại Ketamine cất dấu trong phòng ngủ rồi đem số ma túy còn lại ra đưa cho T3, đồng thời chuyển khoản lại cho T3 1.250.000đ. Số tiền bán ma túy là 17.500.000đ, T3 giữ lại 500.000đ và chuyển vào tài khoản cho H3 17.000.000đ. H3 nhận được tiền trong tài khoản ngân hàng thì chuyển khoản trả công cho Bùi Minh C 500.000đ, chuyển khoản trả tiền mua ma túy cho người bán 12.000.000đ, còn giữ lại trong tài khoản của H3 4.500.000đ.

Sau khi mua được ma túy từ H2, T3 đi taxi về phòng trọ đưa cho D. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T3 cùng D chia số Ketamine mua được thành 12 túi nhỏ (kích thước túi 2x3cm, gọi là 01 chỉ). Sau đó cất giấu ma túy trong con gấu bông, trong kẽ sàn gỗ gác xép và hộp giấy để ở nhà tắm. Số tiền mua ma túy D chuyển cho T3 còn dư 1.250.000đ, T3 vẫn giữ lại trong tài khoản ngân hàng của mình.

Ngày 10/7/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lã Thế H2 tại số nhà C đường P, phường N, tỉnh Ninh Bình. Thu giữ vật chứng gồm:

- 01 (một) túi nilon màu trắng viền xanh bên trong đựng chất tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu là M2).

- 01 (một) gói giấy màu trắng được buộc chặt bằng dây cao su màu đen bên trong có 02 (hai) túi nilon màu trắng viền xanh bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng thu giữ trong túi quần bên phải của **Lã Thế H2** (niêm phong ký hiệu là M1).

Lã Thế H2 khai nhận, số ma túy trên do **H2** lấy bớt từ túi Ketamine mua được của **Trần Ngọc L** (trước khi bán cho **T3**). Mục đích **H2** giấu 03 túi Ketamine là để có ai hỏi mua thì bán lại.

** Hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa **Trần Ngọc L** với **Lã Thị H3**, **Lã Thế H2**.*

Để có số ma túy bán cho **T3** như trên, **H3** đã liên hệ với **Trần Ngọc L** hỏi mua “01 uồn ke” và 10 viên ma túy dạng kẹo. **L** báo giá 01 uồn ke là 11.000.000 đồng, 10 viên ma túy dạng kẹo là 2.500.000 đồng, tổng số tiền là 13.500.000 đồng. Sau khi thống nhất số lượng ma túy, giá cả như trên, **L** gói “01 uồn ke” và 10 viên ma túy dạng kẹo vào một mảnh giấy (loại giấy vệ sinh) đem đến đặt tại chậu hoa trước quán xăm (địa chỉ: **số nhà C đường P, phường N, tỉnh Ninh Bình**) rồi gọi điện báo cho **H3** biết vị trí cất giấu ma túy. **H3** nói **H2** ra lấy ma túy, sau đó đã thực hiện hành vi mua bán ma túy cho **T3** như đã nêu ở trên. **Lã Thị H3** đã chuyển khoản 12.000.000đ tiền mua ma túy cho **L**, còn nợ 1.500.000đ, đến ngày mai thì **H3** chuyển khoản trả hết số tiền còn nợ là 1.500.000 đồng cho **Trần Ngọc L**.

Trên cơ sở lời khai của lời khai của **Lã Thị H3**, **Lã Thế H2**, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập làm việc đối với **Trần Ngọc L**. **L** đã khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy phù hợp với lời khai của **H3**. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **Trần Ngọc L**, thu giữ vật chứng liên quan gồm:

- 01 (một) túi nilong bên trong có chứa các viên nén hình tròn màu đỏ tại gầm giường ngủ; (niêm phong ký hiệu là M3).

- 01 (một) túi nilong chứa chứa các viên nén hình tròn màu đỏ và 01 túi nilong chứa chất tinh thể màu trắng trên nóc tủ. (niêm phong ký hiệu là M4).

Về nguồn gốc ma túy, **Trần Ngọc L** khai vào khoảng tháng 6/2025, **L** đã liên hệ mua được của một người phụ nữ tên gọi là **Kim A1** (không rõ nhân thân, lai lịch) tại tỉnh Nam Định (cũ). Một phần ma túy đã bán cho **H3** vào ngày 08/7/2025, **L** đã sử dụng một phần, số còn lại **L** cất giấu nhằm mục đích để bán thì đã bị khám xét thu giữ.

** Hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa **Lê Đăng D** và **Nguyễn Thành T3** đối với **Nguyễn Thị V**.*

Vào khoảng 02 giờ ngày 10/7/2025, **Nguyễn Thị V** sử dụng tài khoản Facebook “Vân Nhi” của mình gọi cho **Lê Đăng D** qua tài khoản Facebook “**Dương**

Lê " hỏi mua 02 viên ma túy dạng kẹo và 01 túi Ketamine (01 chỉ) với giá 2.000.000 đồng, D đồng ý. V dùng tài khoản ngân hàng số 105880748186 (ngân hàng V2) chuyển 2.000.000đ vào số tài khoản 000933573465301 (ngân hàng V3) của Lê Đăng D rồi hẹn D đem ma túy đến quán K1 thuộc xã B, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó, D đã đi taxi đem ma túy đến giao cho V. Đây chính là 01 túi ma túy loại Ketamine và 02 viên ma túy dạng kẹo D và T3 mua được ngày 08/7/2025.

** Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Thành T3, Lê Đăng D và Bùi Đức T5 tại phòng trọ của Dương*

Khoảng 15 giờ ngày 09/7/2025, Nguyễn Thành T3 đang đi trên đoạn Quốc lộ B thuộc xã B, tỉnh Thanh Hóa thì gặp một người nam giới tên H7 (không xác định nhân thân, lai lịch). Do trước đó cũng đã có lần gặp, T3 biết được H7 có chỗ mua ma túy nên nhờ H7 mua 500.000 đồng ma túy đá, đồng thời hỏi xin công để sử dụng. T3 đưa cho H7 500.000 đồng và dặn khi nào có ma túy thì mang đến quán bi-a nhà ông T12 ở xã B rồi gọi cho T3. Khoảng 30 phút sau H7 quay lại gặp, nói với T3 vị trí đã để ma túy và công để sử dụng. T3 đến vị trí như H7 nói, nhặt lên một bao thuốc lá Thăng L2, bên trong có 01 túi ma túy đá và 01 cái công thủy tinh, được gắn vào vỏ nắp nhựa màu xanh, trên nắp nhựa được đục sẵn thêm 01 lỗ để gắn ống hút.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T3 đem ma túy và công thủy tinh về phòng trọ của Lê Đăng D (phòng số 3). Tại đây, Tú chế bình sử dụng ma túy đá bằng chai nước ngọt Sting ở phòng trọ, cho thêm ít nước lọc, đóng nắp chai gắn công thủy tinh, lấy thêm ống hút nhựa trong hộp sữa có sẵn ở phòng, cắm vào lỗ trên nắp chai. T3 cho hết ma túy mua được vào công thủy tinh rồi dùng bật lửa đốt, tự sử dụng khoảng 2-3 lần. Lúc này, D có mặt tại phòng trọ nhưng cũng không phản đối vì bản thân D cũng muốn sử dụng ma túy cùng với T3. Ngoài ra, trong phòng trọ còn có Nguyễn Hữu Đ2 (sinh năm 1997, trú tại xã Đ, tỉnh Thanh Hóa), Lương Văn M (sinh năm 2000, trú tại xã B, tỉnh Thanh Hóa) đang ngồi ở Sập. Thấy T3 sử dụng ma túy, Đ2 cũng tự đốt ma túy để sử dụng, còn T3 đốt ma túy lần lượt cho M và D sử dụng.

Sau đó, T3 sang phòng trọ số 01 của Bùi Đức T5 và nói với T5 có muốn thì sang phòng của D sử dụng ma túy. T5 đồng ý và cùng Bùi Đình T11 (sinh ngày 04/5/2008, trú tại xã K, tỉnh Thanh Hóa) sang phòng trọ của D. Tại đây, T3 đốt ma túy cho T5 sử dụng 02 lần, T11 sử dụng một lần. Quá trình sử dụng ma túy, D có mặt tại phòng trọ của mình và cũng đồng ý. Ngồi chơi được một lúc thì T5 trực tiếp đốt ma túy trong công cho D sử dụng một lần. Sau khi sử dụng ma túy đá xong thì T5 và T11 về phòng của mình, T3 ra ngoài đi chơi bi-a.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T3 quay về phòng trọ của D, lấy từ trong người ra một gói ma túy Ketamine đã xào sẵn, đổ lên mu bàn tay trái một ít và hít hết vào mũi. Sau đó, T3 để gói Ketamine lên bàn. Lúc này, M đi uống rượu về, T3

nói với **M** và **D** có ma túy Ketamine trước đó mấy hôm **T3** đi chơi ở Ninh Bình được người khác cho (không xác định được ai). **T3** để trên bàn, nếu thích thì lấy sử dụng. **M** và **D** đổ Ketamine ra mu bàn tay của mình rồi sử dụng hết.

*Vật chứng thu giữ tại phòng trọ của **Lê Đăng D***

- Thu giữ tại vị trí sàn nhà dưới bàn gỗ màu đen có:

+ 01 (một) vỏ túi nilon màu trắng viền đỏ, kích thước khoảng (10x6)cm bên trong túi bám dính chất bột màu trắng;

+ 01 (một) vỏ túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (2x2)cm bên trong bám dính chất màu trắng;

+ 01 (một) bật lửa màu xanh và 01 (một) cân tiểu ly màu xám;

+ 01 (một) chai nhựa có nắp màu xanh được đục 02 (hai) lỗ, một lỗ gắn một ống nhựa màu xanh quấn băng dính đen bị uốn cong, bên trong chai nhựa chứa dung dịch chất lỏng và một ống nhựa màu xanh quấn băng dính đen.

(Các vật chứng được niêm phong ký hiệu là A1, liên quan hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy)

- Thu giữ bên trong con gấu bông màu vàng để ở bàn nhựa màu hồng có: 01 (một) túi nilon màu trắng viền đỏ kích thước (10x6)cm bên trong túi có 11 (mười một) túi nilon màu trắng viền xanh kích thước mỗi túi (2x3)cm bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng;

- Thu giữ tại vị trí trên góc tường trong nhà tắm có 01 (một) hộp catton màu đỏ có dòng chữ BRIAR bên trong đựng 02 (hai) viên nén màu trắng không rõ hình dạng kích thước;

- Thu giữ tại vị trí kê sàn gỗ trên gác xép có 01 (một) hộp nhựa màu trắng có quấn băng dính đen bên trong có 01 (một) túi nilon màu trắng viền đỏ, kích thước khoảng (10x6)cm bên trong đựng chất tinh thể màu trắng.

(Các vật chứng được niêm phong ký hiệu là A2, là ma túy **D** nhờ **T3** mua của **Lã Thế H2**, sau khi đã bán cho **V** và **D** đã sử dụng một phần)

** Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của **Nguyễn Thị V**, **Nguyễn Văn H8**, **Trịnh Việt A** tại phòng VIP5 nhà nghỉ C4 (Khu D, xã Y, tỉnh Thanh Hóa)*

Vào khoảng 02 giờ ngày 10/7/2025, sau khi hát Karaoke tại quán K1 thuộc xã B, tỉnh Thanh Hóa, **Nguyễn Thị V**, **Trịnh Việt A** và **Nguyễn Văn H8** rủ nhau góp tiền mua ma túy để sử dụng. **A** và **H8** mỗi người góp 1.000.000đ chuyển vào tài khoản ngân hàng của **V**. **V** đã liên hệ mua ma túy của **Lê Đăng D** như đã nêu ở trên. Sau đó, khi **D** đi taxi đến giao ma túy trước quán K1, cả ba người cùng đi nhờ xe taxi cùng với **D** đến thuê phòng **V**, Vip 5 nhà nghỉ C4 ở khu D, xã Y, tỉnh Thanh Hóa. Tại phòng nghỉ **V**, **V** lấy gói ma túy ra đặt trên chiếc ốp điện thoại của mình để ở giữa giường. **H8** nói với **V** và **A** về việc để **H8** đi đón bạn gái là **Quách Thu H11** (sinh ngày 29/6/2008, trú tại xã X, tỉnh Thanh Hóa) đến sử dụng ma túy thì cả hai

người đều đồng ý. Trong thời gian H8 đi đón H11 thì V và A mỗi người lấy một nửa viên ma túy dạng kẹo để sử dụng bằng cách bỏ vào miệng uống với nước lọc. Khi H8 cùng với H11 vào phòng Vip5 thì V bảo H8 lấy ma túy sử dụng. Huyền bẻ viên ma túy dạng kẹo làm đôi, H8 sử dụng nửa viên và đưa nửa viên để H11 sử dụng. Sau đó, V lấy tờ tiền 1.000 đồng trong túi xách ra để A cuộn thành ống hút, V dùng bật lửa ga màu cam đốt bên dưới tờ tiền giấy mệnh giá 5.000đ đang chứa ketamine để làm nóng rồi dùng căn cước công dân (CCCD) của A để xào ma túy ketamine. Sau khi xào xong, V lại để tờ tiền chứa ketamine lên chiếc ốp điện thoại đang đặt ở giữa giường. A sau khi cuộn ống hút thì cầm tờ tiền 5.000 đồng chứa ketamine lên đưa cho H8 dùng ống hút hít ma túy vào mũi. Huyền sử dụng xong thì để xuống giường, H11 tự cầm lên và sử dụng ketamine, sau đến lượt A hít ketamine còn V là người sử dụng ketamine cuối cùng. Sau khi sử dụng hết ma túy thì H8 và H11 về phòng Vip 4 để ngủ. V và A ngủ lại tại phòng vip 5.

Sáng ngày 10/7/2025, qua kiểm tra phòng Vip5 nhà nghỉ C4 và làm việc với những người liên quan đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 (một) tờ tiền giấy, mệnh giá 1.000VNĐ.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, gắn số thuê bao 0372599780 thu giữ của Nguyễn Thị V.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen, gắn số thuê bao 0876846213 thu giữ của Trịnh Việt A.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, gắn số thuê bao 0375496641 thu giữ của Nguyễn Văn H8.

- Nguyễn Thị V đã giao nộp 01 ốp điện thoại di động màu bạc (có hình 3 con gấu trúc) có bám dính chất bột màu trắng; 01 căn cước công dân của Trịnh Việt A, sinh ngày 02/10/2001 ở thôn G, xã V, tỉnh Thanh Hóa, có bám dính chất một màu trắng; 01 chiếc bật lửa ga màu cam đã qua sử dụng. V khai nhận đây là những dụng cụ được V, H8, A, H11 dùng vào việc sử dụng ma túy tại phòng V4 nhà nghỉ C4.

Kết quả trưng cầu giám định vật chứng liên quan nghi là ma túy:

Tại Bản kết luận giám định số 2489/KL-KTHS ngày 17/7/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh T (Bút lục số 52-53), kết luận:

- 01 túi nilong bên trong có chứa các viên nén hình tròn màu đỏ, có tổng khối lượng là: 1,431 gam, là ma túy, loại: *Methamphetamine*; 01 túi nilong màu trắng viên đỏ chứa chất tinh thể màu trắng, có tổng khối lượng là: 2,242 gam, là ma túy, loại: *Ketamine*; 01 túi nilon màu hồng, bề mặt có chữ A, bên trong có các viên nén hình trụ màu tròn và màu xanh, có tổng khối lượng là: 10,695 gam, là ma túy, loại: *Methamphetamine*. (Đây là chất ma túy thu giữ của Trần Ngọc L).

- 01 (một) túi nilon màu trắng viên xanh bên trong đựng chất tinh thể màu trắng, có tổng khối lượng là: 0,792 gam, là ma túy, loại: *Ketamine*; 01 (một) gói

giấy màu trắng được buộc chặt bằng dây cao su màu đen bên trong có 02 (hai) túi nilon màu trắng viền xanh bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng, có tổng khối lượng là: 1,622 gam, là ma túy, loại: *Ketamine*. (Đây là chất ma túy thu giữ của **Lã Thế H2**).

- 01 (một) túi nilon màu trắng viền đỏ kích thước khoảng (10x6)cm bên trong túi có 11 (mười một) túi nilon màu trắng viền xanh kích thước mỗi túi khoảng (2x3)cm bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng, có tổng khối lượng là: 3,202 gam, là ma túy, loại: *Ketamine*; 02 (hai) viên nén màu trắng không rõ hình dạng kích thước, có tổng khối lượng là: 1,211 gam, là ma túy, loại: *MDMA*; 01 (một) hộp nhựa màu trắng có quấn băng dính đen bên trong có 01 (một) túi nilon màu trắng viền đỏ, kích thước khoảng (10x6)cm bên trong đựng chất tinh thể màu trắng, có tổng khối lượng là: 1,851 gam, là ma túy, loại: *MDMA* (Đây là chất ma túy thu giữ của **Lê Đăng D**).

- Tìm thấy chất ma túy trong dung dịch chất lỏng của 01 (một) chai nhựa có nắp màu xanh được đục 02 (hai) lỗ, một lỗ gắn một ống nhựa màu xanh quấn băng dính đen bị uốn cong và một ống nhựa màu xanh quấn băng dính đen, là ma túy loại: *Methamphetamine*. Không xác định được khối lượng; 02 (hai) vỏ túi nilon có bám dính chất bột màu trắng gửi giám định là chất ma túy, loại: *Ketamine*. Không xác định được khối lượng. (Đây là chất ma túy liên quan hành vi tổ chức sử dụng của **Nguyễn Thành T3** và đồng phạm)

Tại bản Kết luận giám định số 2476/KL-KTHS ngày 16/7/2025 của **Phòng K2 Công an tỉnh T** kết luận:

+ Tìm thấy chất ma túy, loại *Ketamine* trên tờ tiền mệnh giá 1.000VNĐ của phong bì niêm phong gửi giám định. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

+ Chất bột màu trắng bám dính trên ốp điện thoại màu bạc, có hình 3 con gấu trúc của phong bì ký hiệu V1 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: *MDMA*, *Ketamine*. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

+ Chất bột màu trắng bám dính trên căn cước công dân của **Trịnh Việt A**, sinh ngày 02/10/2001 số 038201005965 của phong bì ký hiệu V1 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại *Ketamine*. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

Kết quả trưng cầu giám định tìm chất ma túy trong cơ thể của những đối tượng liên quan:

Tại bản Kết luận giám định số: 2495/KL-KTHS ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Phòng KTHS **Công an tỉnh T**. Kết Luận: Tìm thấy chất ma túy, loại: *Methamphetamine* trong mẫu nước tiểu ghi thu của **Bùi Đình T11**, **Bùi Đức T5**; Tìm thấy chất ma túy, loại: *Methamphetamine*, *Ketamine* trong mẫu nước tiểu ghi thu của **Nguyễn Thành T3**, **Lường Văn M**.

Tại bản Kết luận giám định số 2477/KL-KTHS ngày 16/7/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: Tìm thấy chất ma túy, loại MDMA, Ketamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Quách Thu H11, Trịnh Việt A, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn H8.

Sau khi tội phạm bị phát hiện, ngày 12/7/2025, Nguyễn Thành T3, Lã Thế H2, Lã Thị H3, Trần Ngọc L, Nguyễn Thị V, Trịnh Việt A và Nguyễn Văn H8 đã xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Ngày 13/7/2025, Bùi Minh C đã tự nguyện xin đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Đối với Lê Đăng D, sau một thời gian trốn tránh, đến ngày 24/10/2025, D đã đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh T xin đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân. Riêng Bùi Đức T5, trên cơ sở đánh giá chứng cứ vụ án, đến ngày 03/12/2025 đã khởi tố bị cáo và thực hiện lệnh bắt bị cáo để tạm giam.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Đăng D, Nguyễn Thành T3, Bùi Minh C, Lã Thế H2, Lã Thị H3, Trần Ngọc L, Bùi Đức T5, Trịnh Việt A, Nguyễn Văn H8, Nguyễn Thị V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với đồ vật, tài liệu thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật và xử lý vật chứng:

- 01 (một) túi niêm phong, ký hiệu PS1, tên vụ: TC9932 ngày 12/7/2025, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Lại Thị Thanh L3, Đỗ Tú B2 và các hình dấu của Phòng K2 Công an tỉnh T.

- 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K2 Công an tỉnh T phát hành, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Lại Thị Thanh L3, Đỗ Tú B2 và các hình dấu của Phòng K2 Công an tỉnh T.

- 01 (một) bật lửa xanh; 02 (hai) cân tiểu ly; 01 (một) gấu bông màu vàng; hộp màu đỏ có chữ BRIAR;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, gắn sim 0822082097, là điện thoại của Trần Ngọc L sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh đen, gắn sim 0349211996, là điện thoại của Lã Thị H3 sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, bị vỡ màn hình, gắn sim 0926332789, là điện thoại của Nguyễn Thành T3 sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu vàng, gắn sim 0987698819, là điện thoại của Lã Thế H2 sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng, gắn sim 0347082495, là điện thoại của **Bùi Minh C** sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 (một) bật lửa ga màu hồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, gắn số thuê bao 0372599780 thu giữ của **Nguyễn Thị V**.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen, gắn số thuê bao 0876846213 thu giữ của **Trịnh Việt A**.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, gắn số thuê bao 0375496641 thu giữ của **Nguyễn Văn H8**.

Tất cả số vật chứng trên đều của các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng phòng PC10 **Công an tỉnh T**, cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định pháp luật. Riêng tờ tiền 5.000 đồng Dương gói ma túy bán cho **V** không truy tìm được.

Đối với người đã bán ma túy cho **Trần Ngọc L** và **Nguyễn Thành T3**. Cơ quan CSĐT đã tích cực điều tra, xác minh để xử lý theo quy định, tuy nhiên cả **L** và **T3** đều không khai rõ được họ tên, địa chỉ và những thông tin, đặc điểm cần thiết để xác định người đã bán ma túy cho mình. Do đó không có căn cứ để tiếp tục điều tra mở rộng vụ án.

Đối với **Nguyễn Thu H9**, quá trình điều tra xác định **Lê Đăng D** đã nhờ **Nguyễn Thu H9** chuyển khoản cho **Nguyễn Thành T3** số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). **H9** đồng ý và sử dụng tài khoản **ngân hàng M1** mang tên “NGUYEN THU HIEN” chuyển vào tài khoản của **Nguyễn Thành T3** 23.000.000 đồng (trong đó 18.750.000 đồng là tiền mua ma túy, còn lại là tiền **Nguyễn Hữu Đ2** là anh trai của **H9** cho **T3** vay) nhưng **H9** không biết **D** bảo **H9** chuyển tiền cho **T3** để mua bán ma túy và không tham gia việc mua bán ma túy giữa **D** và **T3**. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với **Nguyễn Thu H9** trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSKV7 ngày 15/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa đã truy tố:

- Các bị cáo **Nguyễn Thành T3**, **Lê Đăng D** về các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo **Trần Ngọc L** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm p, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo **Lã Thế H2**, **Bùi Minh C**, **Lã Thị H3** truy tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự

- Các bị cáo **Nguyễn Thị V**, **Trịnh Việt A**, **Nguyễn Văn H8** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo **Bùi Đức T5** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm p, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Trần Ngọc L** từ 08 năm 03 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Lã Thế H2** từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Lã Thị H3** từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Bùi Minh C** từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm a, b, c Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Nguyễn Thành T3** từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và xử phạt từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm a, b, c Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Lê Đăng D** từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và xử phạt từ 08 năm 03 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Nguyễn Thị V** từ 07 năm 09 tháng tù đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian bị tạm giữ vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Nguyễn Văn H8** từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Trịnh Việt A** từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Bùi Đức T5** từ 36 tháng đến 39 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, là điện thoại của **Trần Ngọc L** sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh đen, là điện thoại của **Lã Thị H3** sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, bị vỡ màn hình, là điện thoại của **Nguyễn Thành T3** sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu vàng, là điện thoại của **Lã Thế H2** sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng, là điện thoại của **Bùi Minh C** sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, thu giữ của **Nguyễn Thị V**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen, thu giữ của **Trịnh Việt A**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, thu giữ của **Nguyễn Văn H8**; số tiền 1.000 đồng thu giữ của **Nguyễn Thị V**.

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; số ma túy hoàn lại sau giám định; 01 chai nhựa nắp màu xanh được đục 02 lỗ, 01 ống nhựa màu xanh quấn băng dính đen; 01 ốp điện thoại màu bạc có hình 03 con gấu trúc; 01 (một) bật lửa xanh; 02 (hai) cân tiểu ly; 01 (một) gấu bông màu vàng; 01 hộp màu đỏ có chữ BRIAR; 01 (một) bật lửa ga màu hồng.

- Trả lại cho bị cáo **Trịnh Việt A** 01 Căn cước công dân có số căn cước là 038201005965.

- Truy thu của bị cáo **Trần Ngọc L** số tiền 13.500.000 đồng, truy thu của bị cáo **Lã Thị H3** số tiền 3.000.000 đồng, truy thu của bị cáo **Lã Thế H2** số tiền 500.000 đồng; truy thu của bị cáo **Bùi Minh C** số tiền 500.000 đồng và truy thu của bị cáo **Lê Đăng D** số tiền 2.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1]. Đối với bị cáo Trần Ngọc L: Tháng 6/2025, Trần Ngọc L đã mua các chất ma túy loại Ketamine, Methamphetamine và MDMA nhằm mục đích bán lại cho người khác. Đến ngày 08/7/2025, tại phường N, tỉnh Ninh Bình, Trần Ngọc L đã bán cho Lã Thị H3 5,616g ma túy loại Ketamine và 3,062g ma túy loại MDMA với giá 13.500.000đ. Ngoài ra, L còn tàng trữ nhằm mục đích bán cho người khác 3,673g ma túy loại Ketamine và 12,126g ma túy loại Methamphetamine. Cả 03 chất chất ma túy mua bán trái phép của D đều thuộc một điểm theo Điều 251 Bộ luật Hình sự, tổng cộng khối lượng là 23,049g. Bị cáo Trần Ngọc L trước lần phạm tội này đã phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý lần phạm tội này bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm. Do đó Hành vi của Trần Ngọc L đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm p, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2.2]. Đối với các bị cáo Lã Thế H2, Lã Thị H3, Bùi Minh C: Khoảng hơn 16 giờ ngày 08/7/2025, tại phường H, tỉnh Ninh Bình, Lã Thị H3, Lã Thế H2 sau khi mua được 5,616g ma túy loại Ketamine và 3,062g ma túy loại MDMA của Trần Ngọc L thì đã bán lại cho Nguyễn Thành T3 3,202g ma túy loại Ketamine và 3,062g ma túy loại MDMA với giá 17.500.000đ. Cả 02 chất ma túy mua bán trái phép của H3 và H2 đều thuộc một điểm theo Điều 251 BLHS, tổng khối lượng là 8,678g. Bùi Minh C đã thực hiện hành vi giới thiệu người mua, dẫn T3 đến để H2

bán số ma túy trên cho T3, chịu trách nhiệm với khối lượng mua bán trái phép chất ma túy là 6,264g (loại Ketamine và MDMA). Hành vi của Lã Thế H2, Lã Thị H3, Bùi Minh C đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Đối với các bị cáo Lê Đăng D, Nguyễn Thành T3, Bùi Đức T5: Khoảng 15 giờ ngày 08/7/2025, tại Xóm Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa, Lê Đăng D và Nguyễn Thành T3 đã trao đổi, thống nhất việc mua ma túy nhằm mục đích bán lại cho người khác. D đã chuyển khoản cho T3 số tiền 18.750.000đ để mua ma túy. T3 đã mua 3,202g ma túy loại Ketamine và 3,062g ma túy loại MDMA với giá 17.500.000đ của Lã Văn H12, Lã Thị H3 sau đó đã cùng nhau chia nhỏ để nhằm mục đích bán kiếm lời. Đến khoảng 02 giờ ngày 10/7/2025, Lê Đăng D đã bán cho Nguyễn Thị V 01 chỉ ma túy loại Ketamine và 02 viên ma túy loại MDMA với giá 2.000.000đ. D và T3 cùng phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng 6,264g (loại Ketamine và MDMA). Vào chiều ngày 09/7/2025, tại phòng trọ của Lê Đăng D thuộc Xóm Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa, được sự đồng thuận của D, T3 đã cung cấp chất ma túy loại Methamphetamine, chuẩn bị công cụ để tổ chức cho một số đối tượng sử dụng trái phép. T3 trực tiếp chế tạo dụng cụ bằng chai nước, ống hút, sử dụng công thủy tinh đốt ma túy loại Methamphetamine cho bản thân cùng với Lương Văn M, Lê Đăng D, Bùi Đức T5 và Bùi Đình T11 sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, Bùi Đình T11 mới 17 tuổi 02 tháng 05 ngày. Trong quá trình tổ chức sử dụng ma túy lần này, Bùi Đức T5 đã có hành vi đốt chất ma túy trong công thủy tinh cho Lê Đăng D sử dụng một lần. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi đi chơi về phòng trọ của D, Nguyễn Thành T3 tiếp tục lấy gói ma túy loại Ketamine của mình (đã được xào sẵn) để cho bản thân cùng với Lê Đăng D và Lương Văn M sử dụng. Như vậy có đủ cơ sở kết luận Lê Đăng D và Nguyễn Thành T3 đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Đức T5 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[2.4]. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn H8, Bùi Việt A2: Khoảng 02 giờ ngày 10/7/2025, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn H8, Trịnh Việt A đã có hành vi rủ nhau góp tiền mua chất ma túy (A và H8 mỗi người góp 1.000.000đ) và thống nhất rủ rê thêm người sử dụng trái phép chất ma túy. Sau đó, tại phòng Vip5 nhà nghỉ C4 thuộc khu D, xã Y, tỉnh Thanh Hóa, sau khi V mua được 01 chỉ ma túy Ketamine và 02 viên ma túy loại MDMA của Lê Đăng D, V, A và H8 đã cùng nhau sử dụng, đồng thời cho Quách Thu H11 sử dụng. Tại thời điểm này, Quách Thu H11 mới 17 tuổi 11 ngày. Hành vi của Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn H8

và **Bùi Việt A2** đã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân, điều kiện dẫn đến các vi phạm và tội phạm khác trong xã hội, làm mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và xử lý bị cáo hình phạt nghiêm khắc mới đủ cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[4]. Về vai trò của các bị cáo: tính chất đồng phạm trong các hành vi của các bị cáo có tính chất giản đơn, trong đó cụ thể như sau:

[4.1]. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của **Lã Thế H2**, **Lã Thị H3** và **Bùi Minh C** là đồng phạm giản đơn, trong đó **H3** và **H2** cùng là người thực hành, giữ vai trò ngang nhau, cao hơn so với **C** là người giúp sức.

[4.2]. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của **Lê Đăng D** và **Nguyễn Thành T3**. **D** là người khởi xướng, trả tiền mua ma túy, trực tiếp bán lại ma túy cho **Nguyễn Thị V**, **Nguyễn Thành T3** là người trực tiếp đi mua ma túy, chia nhỏ ma túy cùng với **D**. Do đó, **Lê Đăng D** giữ vai trò và chịu trách nhiệm cao hơn so với **Nguyễn Thành T3**.

[4.3]. Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của **Nguyễn Thành T3**, **Lê Đăng D**, **Bùi Đức T5**. Hành vi phạm tội của **T3**, **D** và **T5** là đồng phạm giản đơn, trong đó: **T3** giữ vai trò đầu vụ, là người khởi xướng, cung cấp chất ma túy, chuẩn bị công cụ sử dụng; **D** giữ vai trò thứ hai, đồng ý sử dụng phòng trọ của mình để cho **T3** tổ chức sử dụng ma túy; **T5** giữ vai trò sau **D** và **T3** vì chỉ thực hiện hành vi đốt nóng chất ma túy cho **D** sử dụng.

[4.4]. Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của **Nguyễn Thị V**, **Nguyễn Văn H8**, **Trịnh Việt A**. Trong đó, **V** là người khởi xướng và trực tiếp mua chất ma túy; **A** và **H8** là người góp tiền và cuộn ống hút bằng tờ tiền 1.000đ; **H8** là người đón **H11** đến sử dụng ma túy. Do đó, có căn cứ đánh giá bị cáo **H8** và **A** có vai trò như nhau và thấp hơn bị cáo **V**.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo **Nguyễn Thành T3**, **Lê Đăng D** phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra, Bị cáo **Bùi Đức T5** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo **Lê Đăng D**, **Nguyễn Thành T3**, **Lã Thế H2**, **Bùi Minh C**, **Lã Thị H3**, **Trần Ngọc L**, **Trịnh Việt A**,

Nguyễn Văn H8, Nguyễn Thị V đều đầu thú sau khi tội phạm bị phát hiện, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra Bị cáo Lã Thị H3 và bị cáo Lã Thế H2 có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo H2 có ông ngoại là người có công với cách mạng đã được các cấp chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng với bị cáo Lã Thị H3 và Lã Thế H2.

[6]. Đối với Bùi Đình T11 và Lương Văn M đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại phòng trọ số 3 của Lê Đăng D. Kết quả test nước tiểu của Bùi Đình T11, Lương Văn M đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamine. Kết quả xác minh, xác định T11 và M không phải người nghiện ma túy, chưa từng cai nghiện ma túy. Cơ quan điều tra chuyển Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh T Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Đình T11 và Lương Văn M là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Đối với Nguyễn Hữu Đ2, sinh năm 1997, trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa là người tham gia sử dụng ma túy tại phòng trọ của Lê Đăng D. Quá trình điều tra, Đ2 không có mặt tại địa phương nên không xét nghiệm được ma túy trong cơ thể của Đ2. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hữu Đ2 về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

[8]. Đối với Quách Thu H11 đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại phòng vip 5, nhà nghỉ C4 thuộc Khu D, xã Y tỉnh Thanh Hóa. Kết quả test nước tiểu của Quách Thu H11 dương tính với ma túy, loại MDMA và Ketamine. Kết quả xác minh, xác định H11 không phải người nghiện ma túy, chưa từng cai nghiện ma túy. Cơ quan điều tra chuyển Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh T Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Quách Thu H11 là phù hợp.

[9]. Đối với Bùi Trọng C2, sinh năm 1982, trú tại Khu D, xã Y, tỉnh Thanh Hóa là chủ nhà nghỉ C4 đã chủ động báo cáo, cung cấp thông tin nội dung sự việc, tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Bùi Trọng C2 trong vụ án này.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng hoặc chung và không có thu nhập gì đáng kể nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[11]. Về xử lý vật chứng:

[11.1]. Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, là điện thoại của Trần Ngọc L ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh đen là điện thoại của Lã Thị H3; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, bị vỡ màn hình là điện thoại của Nguyễn Thành T3; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu vàng là điện thoại của Lã Thế H2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng là điện

thoại của **Bùi Minh C**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng của **Nguyễn Thị V**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen của **Trịnh Việt A**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc của **Nguyễn Văn H8**; Tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng thu giữ của **Nguyễn Thị V**. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại liên lạc, chuyển tiền để thực hiện tội phạm, tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng bị cáo **V** dùng để sử dụng ma túy do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11.2]. Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; số ma túy hoàn lại sau giám định; 01 chai nhựa nắp màu xanh được đục 02 lỗ, 01 ống nhựa màu xanh quần băng dính đen; 01 ốp điện thoại màu bạc có hình 03 con gấu trúc; 01 (một) bật lửa xanh; 02 (hai) cân tiểu ly; 01 (một) gấu bông màu vàng; 01 hộp màu đỏ có chữ BRIAR; 01 (một) bật lửa ga màu hồng. Đây là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội không có giá trị sử dụng, số ma túy còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành. Do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[11.3]. Đối với căn cước công dân mang tên **Trịnh Việt A** 01 có số căn cước là 038201005965. Các bị cáo đã làm công cụ sử dụng ma túy. Tuy nhiên đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[11.4]. Đối với số tiền 13.500.000 đồng bị cáo **L** thu được khi bán ma túy cho **H3** và **H2**; Số tiền 3.000.000 đồng bị cáo **Hà** thu được khi bán ma túy cho **T3**; Số tiền 500.000 đồng **H2** có được do bán ma túy cho **T3**; Số tiền 500.000 đồng **C** được **H3** chuyển trả tiền công và Số tiền 2.000.000 đồng **D** thu được khi bán ma túy cho **V**. Số tiền này các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Đây là số tiền do phạm tội mà có do đó cần truy thu của bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 255 và Điều 251 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố các bị cáo **Trần Ngọc L**, **Lã Thế H2**, **Lã Thị H3**, **Bùi Minh C**, **Nguyễn Thành T3**, **Lê Đăng D** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Các bị cáo **Nguyễn Thành T3**, **Lê Đăng D**, **Bùi Đức T5**, **Nguyễn Thị V**, **Nguyễn Văn H8**, **Trịnh Việt A** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

1. Áp dụng điểm p,q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Trần Ngọc L**.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc L** 08 (**T13**) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/07/2025)

2. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lã Thế H2**.

Xử phạt bị cáo **Lã Thế H2** 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/07/2025).

3. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lã Thị H3**.

Xử phạt bị cáo **Lã Thị H3** 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/07/2025).

4. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Bùi Minh C**.

Xử phạt bị cáo **Bùi Minh C** 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 13/07/2025).

5. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thành T3**, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T3** 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thành T3**, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T3** 09 (C3) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thành T3** phải chấp hành hình phạt chung là 16 (Mười sáu) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/07/2025).

6. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lê Đăng D**, xử phạt bị cáo **Lê Đăng D** 07 (Bảy) năm 09 (C3) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lê Đăng D**, xử phạt bị cáo **Lê Đăng D** 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lê Đăng D** phải chấp hành hình phạt chung là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 24/10/2025).

7. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thị V**.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị V** 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Bị cáo **Nguyễn Thị V** được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến ngày 18/07/2025 vào thời gian chấp hành án.

8. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn H8**.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H8** 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/07/2025)

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Trịnh Việt A**.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Việt A** 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/07/2025)

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Bùi Đức T5**.

Xử phạt bị cáo **Bùi Đức T5** 38 (Ba mươi tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 03/12/2025).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, là điện thoại của **Trần Ngọc L**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh đen là điện thoại của **Lã Thị H3**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, bị vỡ màn hình là điện thoại của **Nguyễn Thành T3**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu vàng là điện thoại của **Lã Thế H2**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng là điện thoại của **Bùi Minh C**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng của **Nguyễn Thị V**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen của **Trịnh Việt A**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc của **Nguyễn Văn H8**; Số tiền 1.000 đồng thu giữ của bị cáo **Nguyễn Thị V**.

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; số ma túy hoàn lại sau giám định; 01 chai nhựa nắp màu xanh được đục 02 lỗ, 01 ống nhựa màu xanh quấn băng dính đen; 01 ốp điện thoại màu bạc có hình 03 con gấu trúc, 01 (một) bật lửa xanh; 02 (hai) cân tiểu ly; 01 (một) gấu bông màu vàng; hộp màu đỏ có chữ BRIAR; 01 (một) bật lửa ga màu hồng.

- Trả lại cho bị cáo **Trịnh Việt A** 01 Căn cước công dân mang tên **Trịnh Việt A**, sinh ngày 02/10/2001 số 038201005965.

(Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; số ma túy hoàn lại sau giám định; 01 chai nhựa nắp màu xanh được đục 02 lỗ, 01 ống nhựa màu xanh quấn băng dính đen; 01 ốp điện thoại màu bạc có hình 03 con gấu trúc; 01 Căn cước công dân mang tên **Trịnh Việt A**, sinh ngày 02/10/2001 số 038201005965 và Tờ tiền có mệnh giá 1.000 đồng được đựng trong 01 túi niêm phong, ký hiệu PS1 và 01 phong bì niêm phong

mẫu vật do phòng K2 công an tỉnh T phát hành được dán kín niêm phong có các hình dấu của Phòng K2 công an tỉnh T)

Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/01/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T và Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- Truy thu để nộp ngân sách nhà nước, cụ thể từng bị cáo số tiền như sau: Truy thu của bị cáo Trần Ngọc L số tiền 13.500.000 đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); Truy thu của bị cáo Lã Thị H3 số tiền 3.000.000 đ (Ba triệu đồng); Truy thu của bị cáo Lã Thế H2 số tiền 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng); Truy thu của bị cáo Bùi Minh C số tiền 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng); Truy thu của bị cáo Lê Đăng D số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Trần Ngọc L, Lã Thế H2, Lã Thị H3, Bùi Minh C, Lê Đăng D, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn H8, Trịnh Việt A, Bùi Đức T5 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Khu vực 7;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà

Trương Thị Hồng Xuân

Bùi Văn Hải

